TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2024
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Trần Văn Tám**

2- Ông **Nguyễn Văn Cường**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Yến T**, sinh năm 1992. (Có mặt)
2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp VT, xã VH, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến T trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh B được người quen mai mối và được sự chấp thuận của cha, mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống hạnh

phúc được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cự cãi với nhau, anh B có hành vi bạo lực với chị nên chị và anh B đã ly thân với nhau từ đó cho đến nay, vợ chồng không có cách nào hàn gắn tình cảm, mạnh ai nấy sinh sống, không ai quan tâm lẫn nhau. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 người con chung tên là Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 12/7/2011, giới tính nam, từ khi vợ chồng chị ly thân cho đến nay thì cháu Đ sinh sống cùng với anh B.

Khi ly hôn, chị đồng ý tiếp tục giao con cho anh B nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định trong thời gian chung sống chị và anh B không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Nguyễn Thanh B biết về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Yến T đối với anh B nhưng anh B vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Yến T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh B đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị T và anh B xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được sự thống nhất của hai bên gia đình tổ lễ cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang vào ngày 13/9/2011 nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh B là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh B, chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do trong thời gian vợ chồng chung sống anh B thường hay có hành vi bạo lực đối với chị nên chị không thể tiếp tục chung sống được và chị đã ly thân với anh B hơn 10 năm nay, vợ chồng không có cách nào hàn gắn tình cảm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho anh B đến tham gia hòa giải tại Tòa án nhưng anh B đều vắng mặt, đồng thời cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn của chị T nhằm thể hiện mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Mặc dù hiện tại anh B vẫn còn đang sinh sống tại địa phương, qua biên bản xác minh được địa phương cho biết thì chị T và anh B không còn sống chung với nhau hơn 10 năm nay, chị T không thường xuyên có mặt ở địa phương.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T để xử cho chị T được ly hôn với anh B là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị T xác định là trong thời gian chị và anh B chung sống thì có 01 người con chung tên là Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 12/7/2011, giới tính nam, từ khi vợ chồng chi ly thân cho đến nay cháu Đ sinh sống cùng với anh B.

Khi ly hôn, chị T đồng ý tiếp tục giao con cho anh B nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Thanh Đ cũng thể hiện nguyện vọng của cháu là được sinh sống cùng với cha, hiện tại cháu đang đi học ở xã VH và đang sinh sống cùng với anh B. Do đó, HĐXX nghĩ nên cần giao cháu Nguyễn Thanh Đ cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và nguyện vọng của cháu Nguyễn Thanh Đ nên HĐXX ghi nhận.

Chị T có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Nguyễn Thanh B không có yêu cầu nên HĐXX không đề cập xem xét trong vụ án này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định là trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Yến T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0003068 ngày 12/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Yến T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Đ sinh ngày 12/7/2011, giới tính nam cho anh Nguyễn Thanh B tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị T có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Nguyễn Thanh B không có yêu cầu nên không đề cập xem xét trong vụ án này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định là trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Yến T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0003068 ngày 12/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/4/2024). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện U Minh Thượng;*
- *CCTHADS huyện U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã VH, huyện UMT;*
- *Lưu HS, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh